

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Biên chế công chức được giao năm 2025 trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp	Biên chế công chức được giao tương ứng với các VTVL** thời điểm 31/7/2025									Số công chức có mặt thời điểm 01/9/2025 tại các VTVL								Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ của công chức thời điểm 01/9/2025								HDLĐ thực phục	
			Tổng số	Chia ra								Tổng số	Chia ra								Số được chấp thuận chủ trương				Số có mặt thực tế				
				VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*			VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*		VTVL lãnh đạo quản lý		VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		VTVL lãnh đạo quản lý		VTVL chuyên môn, nghiệp vụ		
				Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL		Số lượng VTVL	Tổng số lượng công chức theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng công chức theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng công chức theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng công chức theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng HDLĐ theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng HDLĐ theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng LDHD theo VTVL	Số lượng VTVL		Tổng số lượng LDHD theo VTVL
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
II	CẤP XÃ, PHƯỜNG	44	44	15	15	28	29	0	0	0	0	38	15	14	28	24		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4
1	Lãnh đạo HĐND và UBND	4	4	4	4	0	0	0	0	0	0	4	4	4	0	0		0											
2	Các Ban HĐND	4	4	2	2	2	2	0	0	0	0	4	2	2	2	2		0											
3	Văn phòng HĐND và UBND	8	8	2	2	4	6	0	0	0	0	7	2	2	4	5		0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	4
4	Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	9	9	2	2	12	7	0	0	0	0	6	2	1	12	5	0		0		0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	9	9	2	2	8	7	0	0	0	0	8	2	2	8	6	0		0		0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Trung tâm phục vụ hành chính công	7	7	1	1	1	6	0	0	0	0	6	1	1	1	5	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Ban Chỉ huy Quân sự xã	3	3	2	2	1	1	0	0	0	0	3	2	2	1	1	0		0		0	0	0	0	0	0	0	0	0

Ghi chú:
*: Áp dụng đối với đối tượng là người đã được tuyển vào biên chế trước ngày 01/4/1993, đang làm các công việc tại vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ trong các cơ quan, tổ chức hành chính của địa phương.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm 2025
THỦ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

hỗ trợ, c vụ
Số có mặt thực tế
31
3
3
0
0
0
0

UBND XÃ TÂN ĐOÀN

ĐỀ XUẤT BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2026-2031

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2025 của UBND xã Tân Đoàn)

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Biên chế công chức giai đoạn 2026-2031									Lý do đề xuất (Bảo cáo các yếu tố đặc thù để đề xuất biên chế)
		Tổng số	Chia ra								
			VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*		
			Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
II	CẤP XÃ, PHƯỜNG	61	15	19	26	42	0	0	0	0	
1	Xã/phường 1										
	Lãnh đạo HĐND và UBND	4	4	4	0	0	0	0	0	0	
	Các Ban HĐND	4	2	2	0	2	0	0	0	0	Đề xuất chuyển 02 chuyên viên giúp việc xuống VTVL Văn phòng HĐND và UBND xã theo nghị định
a	Văn phòng HĐND và UBND	9	2	3	4	6	0	0	0	0	Bổ trí thêm 01 Phó Chánh Văn phòng do Khối lượng công việc tổng hợp, tham mưu, văn thư – lưu trữ, tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính lớn; yêu cầu bố trí đủ cán bộ để thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp công
b	Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	18	2	3	12	15	0	0	0	0	Địa phương đang trong giai đoạn phát triển, quản lý nhiều dự án hạ tầng, đất đai, tài nguyên – môi trường; yêu cầu cán bộ có chuyên môn sâu về kinh tế và xây dựng cơ bản.
c	Phòng Văn hóa - Xã hội	15	2	3	8	12	0	0	0	0	Địa bàn có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, cần chú trọng công tác văn hóa, giáo dục, y tế, an sinh xã hội; nhiều chương trình, chính sách dân tộc triển khai; cần nhân sự chuyên trách theo dõi từng lĩnh vực
d	Trung tâm phục vụ hành chính công	8	1	2	1	6	0	0	0	0	Khối lượng hồ sơ giải quyết TTHC lớn, yêu cầu tiếp nhận – trả kết quả kịp thời, hiện đại hóa hành chính; cần bố trí đủ nhân sự để đảm bảo phục vụ người dân và doanh nghiệp
e	Ban Chỉ huy Quân sự xã	3	2	2	1	1	0	0	0	0	Thường xuyên triển khai công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, tuyển quân, quản lý lực lượng dân quân tự vệ; yêu cầu bảo đảm đủ biên chế để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng địa phương

Ghi chú:

*: Áp dụng đối với đối tượng là người đã được tuyển vào biên chế trước ngày 01/4/1993, đang làm các công việc tại vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ trong các cơ quan, tổ chức hành chính của địa phương.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm 2025

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

UBND XÃ TÂN ĐOÀN

Phụ lục 3B
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ LIỆU BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2025 của UBND xã Tân Đoàn)

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Biên chế viên chức hưởng lương từ NSNN được giao năm 2025 trước thời điểm thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp	Mức độ tự chủ tài chính (%)	Biên chế viên chức được giao tương ứng với các VTVL thời điểm 31/7/2025										Số viên chức có mặt thời điểm 01/9/2025 tại các VTVL										Về lao động hợp đồng thực hiện nhiệm vụ VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chuyên môn dùng chung thời điểm 01/9/2025								HDLĐ hỗ trợ, phục vụ thời điểm 01/9/2025							
				Tổng số biên chế	Hưởng lương từ NSNN								Hưởng lương từ NTSN	Tổng số viên chức	Hưởng lương từ NSNN								Hưởng lương từ NTSN	Số chỉ tiêu HDLĐ được cấp có thẩm quyền giao				Số lao động hợp đồng có mặt thời điểm báo cáo											
					VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*				VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*			Hưởng lương từ NSNN		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chuyên môn dùng chung		Hưởng lương từ NTSN	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành			VTVL chuyên môn dùng chung		Hưởng lương từ NTSN	Số được giao	Số có mặt thực tế	
					Số lượng VTVL	Tổng số lương biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lương biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lương biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lương biên chế theo VTVL			Số lượng VTVL	Tổng số lương biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lương biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lương biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lương biên chế theo VTVL		Số lượng VTVL	Tổng số lương biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lương HDLĐ theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lương LDHĐ theo VTVL		Số lượng VTVL			Tổng số lương LDHĐ theo VTVL					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36				
	TỔNG SỐ	180	0	180	14	18	46	162	0	0	0	0	180	180	14	18	46	162	0	0	0	0	180	7	10	12	12	22	10	10	6	6	0	28	23				
I	DVSNCL DO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM CHI THUỞNG XUYỀN																																						
1	Trường Mầm non Tân Thành	22	0		22	2	3	4	19	0	0	0	0	22	22	2	3	4	19	0	0	0	0	22	0									6	6				
2	Trường Mầm non Tân Đoàn	22	0		22	2	3	4	19	0	0	0	0	22	22	2	3	4	19	0	0	0	0	22	0		2	2	2			2	2		6	6			
3	Trường Mầm non Tráng Phái	25	0		25	2	3	4	22	0	0	0	0	25	25	2	3	4	22	0	0	0	0	25	0		2	2	2			2	2		8	6			
4	Trường Tiểu học Tân Thành	30	0		30	2	2	7	28	0	0	0	0	30	30	2	2	7	28	0	0	0	0	30	0		2	2	2			1	1		3	2			
5	Trường THCS Tân Thành	18	0		18	2	1	7	17	0	0	0	0	18	18	2	1	7	17	0	0	0	0	18	2	2	2	2	4	2	2	1	1		2	1			
6	Trường TH&THCS Tân Đoàn	31	0		31	2	3	10	28	0	0	0	0	31	31	2	3	10	28	0	0	0	0	31	1	4	2	2	3	4	4	0	0		2	1			
7	Trường TH&THCS Tráng Phái	32	0		32	2	3	10	29	0	0	0	0	32	32	2	3	10	29	0	0	0	0	32	4	4	2	2	6	4	4	0	0		1	1			

Ghi chú:
*: Áp dụng đối với đối tượng là người đã được tuyển vào biên chế trước ngày 01/4/1993, đang làm các công việc tại vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập của địa phương.

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm 2025
THỦ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

UBND XÃ TÂN ĐOÀN

SỐ LIỆU BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2026-2031

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2025 của UBND xã Tân Đoàn)

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Mức độ tự chủ tài chính (%)	Biên chế sự nghiệp giai đoạn 2026-2031										Lý do đề xuất
			Tổng số	Hưởng lương từ NSNN								Hưởng lương từ NTSN	
				VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành		VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		VTVL hỗ trợ, phục vụ*			
				Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ		233	14	21	49	172	92	40	0	0	233	
I	ĐVSNC L DO NGÁN SÁCH NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN												
1	Trường Mầm non Tân Thành	0	25	2	3	4	19	12	3	0	0	25	
2	Trường Mầm non Tân Đoàn	0	25	2	3	4	19	12	3	0	0	25	
3	Trường Mầm non Trảng Phái	0	28	2	3	4	22	12	3	0	0	28	
4	Trường Tiểu học Tân Thành	0	39	2	3	7	29	14	7	0	0	39	
5	Trường THCS Tân Thành	0	31	2	3	10	20	14	8	0	0	31	
6	Trường TH&THCS Tân Đoàn	0	41	2	3	10	30	14	8	0	0	41	
7	Trường TH&THCS Trảng Phái	0	44	2	3	10	33	14	8	0	0	44	

Ghi chú:

*: Áp dụng đối với đối tượng là người đã được tuyển vào biên chế trước ngày 01/4/1993, đang làm các công việc tại vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ trong các đơn vị sự nghiệp công lập của địa phương.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm 2025

THỦ TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

UBND XÃ TÂN ĐOÀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ LIỆU VIÊN CHỨC, NGƯỜI LÀM VIỆC TẠI VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THỜI ĐIỂM 01/9/2025 VÀ ĐỀ XUẤT GIA 2026-2031
(không đề xuất)

STT	Tên cơ quan, tổ chức	Biên chế sự nghiệp được giao tương ứng với các VTVL							Số được giao tương ứng với VTVL hỗ trợ, phục vụ	Số viên chức, người làm việc có mặt tại VTVL công chức thời điểm 01/9/2025							Số người làm việc VTVL hỗ trợ, phục vụ có mặt
		Tổng số	Chia ra							Tổng số	Chia ra						
			VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung				VTVL lãnh đạo, quản lý		VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		VTVL nghiệp vụ chuyên môn dùng chung		
			Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL			Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	Số lượng VTVL	Tổng số lượng biên chế theo VTVL	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG SỐ																
I	Sở ...																
1	Phòng																
2	...																
	...																
II	...																
1	...																
2	...																
	...																
	...																

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm 2025
THỦ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 5B

AI ĐOẠN

[illegible]

UBND XÃ TÂN ĐOÀN

CHI TIẾT CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2025 của UBND xã Tân Đoàn)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc		Chức vụ, chức danh công tác																						Văn bằng, chứng chỉ				
		Nam	Nữ	Kinh	Dân tộc khác	Trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp										Hiện giữ												Trình độ học vấn		Trình độ lý luận chính trị		
						Cán bộ, công chức cấp huyện trở lên						Viên chức	Cấp xã				VTVL bổ trí		Ngạch công chức tương ứng													
						Cấp tỉnh	Cấp huyện	Lĩnh vực công tác	CVCC và tương đương	CVC và tương đương	CV và tương đương		Cán sự và tương đương	Nhân viên	Cán bộ	Công chức	Lĩnh vực công tác	Được xếp vào lương	Phòng	Lĩnh vực	CVCC và tương đương	CVC và tương đương	CV và tương đương	Cán sự và tương đương	Nhân viên	Học vị	Chuyên ngành đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	
1	Vũ Ngọc Hà	02/9/1979		Kinh		X		Thanh Tra tỉnh		x											Chủ tịch UBND		X				Thạc sĩ	Chính trị học			x	
2	Đàm Đức Thuận	10/6/1981			Nùng		X	BQLDA Đ TXD huyện			x			x							Phó Chủ tịch UBND			x			Đại học	Kỹ sư Thủy lợi			x	
3	Hà Lê Quý	05/01/1979			Tây		x	Phòng VH -KH & TT		x											Phó Chủ tịch UBND		x				Đại học	SP Toán			x	
4	Liễu Văn Chắc	19/6/1981			Tây										x			Chủ tịch UBND xã			Chủ tịch HĐND			x			Đại học	Chăn nuôi thú y		x		
5	Phan Văn Đức	01/7/1987			Nùng										x			Chủ tịch UBND TTQ VN			Phó Ban KT-XH			x			Đại học	Kế toán	x			
6	Triệu Thị Luyến		30/10/1980		Tây										x			Chủ tịch UBND TTQ VN			Phó Ban VH-XH			x			Đại học	Quản trị KD	x			
7	Lành Văn Đài	15/5/1982			Nùng										x			Phó Chủ tịch UBND xã			chuyên viên Ban KT- XH			x			Đại học	Quản lý KT	x			
8	Nông Đình Tài	18/7/1989			Nùng										x			Chủ tịch UBND TTQ VN			chuyên viên Ban VH-XH			x			Đại học	Luật		x		
9	Triệu Văn Hựu	16/6/1977			Nùng										x			Chủ tịch UBND xã			Chánh VP H ĐND và UBND			x			Đại học	Quản trị KD		x		
10	Lộc Văn Hùng	10/5/1982			Nùng		x				x									Văn Phòng	Phó Chánh VP			x			Đại học	Quản trị nhân lực		x		
11	Mạc Văn Thế	5/10/1991			Nùng											x		Văn phòng TK		Văn Phòng	Chuyên viên VT			x			Đại học	ĐH Quan lý nhà nước		x		
12	Ngô Thị Thanh Tuyền		22/4/1993	Kinh													x	Văn phòng TK		Văn Phòng	Chuyên viên Tổng hợp			x			Đại học	Luật				
13	Mông Thị Minh Nguyệt		29/8/1977		Nùng		x	Kế toán			x									Văn Phòng	Chuyên viên phụ trách kế toán			x			Đại học	Kế toán		x		
14	Lý Duy Thân	12/02/1992			Nùng											x		Tư pháp		Văn Phòng	Chuyên viên PTTư pháp			x			Đại học	Luật				
15	Hoàng Mạnh Từ	31/3/1992			Nùng											x		Tư pháp		Văn Phòng	Chuyên viên PTTiếp			x			Đại học	Luật		x		
16	Liễu Văn Hiệp	3/11/1982			Tây		x	Phó Chánh VP		x										Phòng VH- XH	Trưởng phòng			x			Đại học	SP Tiếng Anh		x		
17	Vi Thị Hồng		12/4/1982		Tây										x			Phó Chủ tịch UBND xã		Phòng VH- XH	Phó Phòng VH-XH			x			Đại học	Luật		x		
18	Mã Trương Công	19/5/1991			Tây		x	Y tế			x									Phòng VH- XH	Y tế - CD số			x			Đại học	Luật	x			
19	Nguyễn Công Anh	15/08/1989			Tây		x	Nội vụ												Phòng VH- XH	Nội vụ			x			Đại học	QTVP				
20	Lương Thị Diện		19/03/1989		Tây											x		Văn hóa - XH		Phòng VH- XH	Văn hóa - XH			x			Đại học	CTXH	x			
21	Hoàng Thị Huệ		10/9/1983		Tây											x		VP -TK		Phòng VH- XH	Người có công - L ĐVL			x			Đại học	Luật		x		
22	Nông Thị Hoài		27/12/1983		Tây											x		VP -TK		Phòng VH- XH	Giáo dục - ĐT			x			Đại học	Quản lý HCNN		x		

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc		Chức vụ, chức danh công tác																						Văn bằng, chứng chỉ				
		Nam	Nữ	Kinh	Dân tộc khác	Trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp														Hiện giữ								Trình độ học vấn		Trình độ lý luận chính trị		
						Cán bộ, công chức cấp huyện trở lên							Viên chức	Cấp xã				VTVL bổ trí		Ngạch công chức tương ứng						Học vị	Chuyên ngành đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp		
						Cấp tỉnh	Cấp huyện	Lĩnh vực công tác	Ngạch được bổ nhiệm					Được xếp vào lương	Ngạch	Bậc	Phòng	Lĩnh vực	CVCC và tương đương	CVC và tương đương	CV và tương đương	Cán sự và tương đương	Nhân viên									
									Cấp tỉnh	Cấp huyện	Lĩnh vực công tác	CVCC và tương đương												CVC và tương đương	CV và tương đương						Cán sự và tương đương	Nhân viên
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	
23	Vi Thị Biền		06/9/1987		Tây											x	Văn hóa - XH			Phòng VH XH	TP-HT			x			Đại học	Quản lý VH		x		
24	Phan Hoàng Tùng	25/05/1984			Tây		x	Tài nguyên - MT		x										Phòng Kinh tế	Trưởng phòng		x				Đại học	Quản lý đất đai			x	
25	Hoàng Quốc Hưng	10/01/1987			Nùng		x	Tài nguyên - MT			x									Phòng Kinh tế	Tài nguyên - MT			x			Đại học	Quản lý đất đai		x		
26	Nông Thu Hằng		28/6/1980		Tây											x	Kế toán			Phòng Kinh tế	Kế toán			x			Đại học	Kế toán	x			
27	Liễu Đức Hiếu	01/12/1994			Tây											x	BT Đoàn TN			Phòng Kinh tế	Xây dựng - ĐT			x			Đại học	Quản lý đất đai		x		
28	Bàn Văn Bộ	27/7/1986			Dao		x	KT,HT và đô thị			x									Phòng Kinh tế	Cầu đường			x			Đại học	Xây dựng cầu đường bộ		x		
29	Hà Văn Thoại	19/11/1981			Tây											x	ĐC- XD-MT			Phòng Kinh tế	Giám sát công trình - CT			x			Đại học	Kỹ sư công trình		x		
30	Hoàng Đình Tuấn	11/5/1985			Tây		x	Phó Phòng Y tế		x										TTPCHC C	Phó G Đ		x				Đại học	Quản lý KT -SP Địa lý			x	
31	Mạc Văn Dự	24/6/1992			Nùng											x	TP-HT			TTPCHC C	Tiếp nhận THPT			x			Đại học	Luật	x			
32	Hoàng Thanh Trường	11/5/1992			Nùng											x	TP-HT			TTPCHC C	Tiếp nhận THPT			x			Đại học	Luật	x			
33	Vy Văn Tím	16/2/1977			Nùng											x	TP-HT			TTPCHC C	Tiếp nhận THPT			x			Đại học	CTXH		x		
34	Lương Thị Tâm		26/02/1993		Nùng											x	TP-HT			TTPCHC C	Tiếp nhận THPT			x			Đại học	Luật		x		
35	Triệu Thị Lùng		10/01/1980		Nùng											x	TP-HT			TTPCHC C	Tiếp nhận THPT			x			Đại học	Luật		x		
36	Hứa Văn Hiếu	03/8/1982			Tây											x	CHT BCHQS			BCHQS	CHT				x		Cao đẳng	QSCS		x		
37	Vy Văn Hành	03/08/1987			Nùng											x	CHT BCHQS			BCHQS	Trợ lý				x		TC	QSCS		x		
38	Lành Văn An	02/8/1980			Nùng											x	CHT BCHQS			BCHQS	PCHT				x		Cao đẳng	QSCS		x		

x

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

...., ngày ... tháng ... năm 2025
CHỦ TỊCH UBND XÃ/PHƯỜNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

UBND XÃ TÂN ĐOÀN

Phụ lục 6B
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG BÁO CÁO CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /9/2025 của UBND xã Tân Đoàn)

TT	Đơn vị	Tổng số người hiện có mặt	Nữ	Dân tộc khác	Chia theo độ tuổi						Chức vụ, chức danh công tác														Trình độ đào tạo					Trình độ LLCT				Tỷ lệ phù hợp với vị trí việc làm được bổ trí	Ghi chú
					Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Từ 51 đến 60			Trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp														Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp			
								Tổng số	Nữ từ 51 đến 55	Nam từ 55 đến 60	Cấp tỉnh		Cấp huyện		Viên chức	Cấp xã		Ngạch công chức tương ứng																	
											Cán bộ	Công chức	Cán bộ	Công chức		Cán bộ	Công chức	CVCC và tương đương	CVC và tương đương	CV và tương đương	Cán sự và tương đương	Nhân viên													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33			
Tổng số		38	9	0	1	18	19	0	0	0	1	0	1	8	1	8	19	0	5	30	3	0	0	2	33	2	1	7	26	4					
1	Lãnh đạo UBND	3	0	0	0	0	3	0	0	0	1	0	1	0	1	0	0			2	1	0	0	1	2	0	0	0	1	2	100%				
2	Lãnh đạo HĐND	1	0	0			1									1				1					1			1		100%					
3	Các Ban HĐND	4	1	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	4				4					4			4		100%					
4	Văn phòng UBND và HĐND	7	1	0	0	5	2	0	0	0	0	0	0	1	0	1	5	0	0	7				7				3	4		100%				
5	Phòng Kinh tế	6	0	0	0	1	5	0	0	0	0	0	0	3	0	1	2	0	1	5	0			1	5				5	1	100%				
6	Phòng Văn hóa - Xã hội	8	5	0	0	5	3	0	0	0	0	0	0	3	0	1	4		1	7					8			2	5		89%				
7	Trung tâm PVHCC	6	2	0	1	4	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	5		1	5					6			2	3	1					
8	Ban Chỉ huy Quân sự	3	0	0	0	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	3	0	0	0	0	2	1		3	0	100%				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm 2025
CHỦ TỊCH UBND XÃ/PHƯƠNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)